

Lại Nói Chuyện Đường Thi.

01 – 146 (156).

(KỶ 4)

So sánh Đỗ Phủ và Lý Bạch, Sử, Văn học gia Vương Thế Trinh (1526 - 1590) viết:

~ Thái Bạch **thi** dĩ **khí** vi **chủ**, dĩ tự nhiên vi tông, dĩ tuần dật, cao sảng vi quý – Tử Mỹ dĩ **ý** vi **chủ**, dĩ độc đáo vi tông, dĩ kỳ bạt trầm hùng vi quý.

Kỳ ca hành chi diệu sử nhân độc chi phiêu phiêu dục tiên giả, Thái Bạch dã! – Sử nhân khảng khái kích liệt hi hư (歎歎) dục tuyệt giả, Tử Mỹ dã!.....

Ngũ ngôn luật, thất ngôn ca hành, Tử Mỹ thần hĩ, thất ngôn luật, thánh hĩ.

Ngũ, thất ngôn tuyệt Thái Bạch thần hĩ, thất ngôn ca hành thánh hĩ!

/ *Nghệ Uyển Chi Ngôn* (藝苑卮言), Qu. IV – 12 /.

~ Vương Thế Trinh Nguyên Mỹ nói:

~ **Thơ** Thái Bạch lấy **khí** làm **chủ**, lấy tự nhiên làm tông chỉ, lấy mỹ lệ thoát tục, vút cao làm quý – **Thơ** Tử Mỹ lấy **ý** làm **chủ**, lấy sáng tạo làm tông chỉ, lấy siêu xuất, trầm hùng làm quý.

Ca, Hành thần diệu, cao xa, khiến người đọc lâng lâng muốn lên tiên, (**đây**) là (cái ý vị) của (thơ) Thái Bạch! – Khiến cho *người* hăng hái bừng bừng, bần bật muốn chết, (**đây**) là (cái ý vị) của (thơ) Tử Mỹ!.....

Ngũ ngôn luật thi, thất ngôn ca hành Tử Mỹ là bậc thần, thất ngôn luật thi là bậc thánh!

Ngũ ngôn, thất ngôn tuyệt cú Thái Bạch là bậc thần, thất ngôn ca hành là bậc thánh!

(Đoạn dẫn trên của “*Nghệ Uyển Chi Ngôn*” bộ “*Đỗ Thi Kinh Thuyên*” (杜詩鏡銓) cũng dẫn lại trong phần “Phụ lục III. Bình luận. Chư gia luận Đỗ”).

Minh Di:

+ *Nguyên Mỹ* là tên **Tự** của Sử học gia Vương Thế Trinh.

Vào **thời cổ**, học giới Trung Hoa có **thói quen** viết tên **Tự**, hoặc tên **Hiệu**, của một người – thường là học giả, kèm tên cha mẹ đặt.

+ Nói “**KHÍ**” tức chỉ “hơi thơ”.

Còn về khuynh hướng sáng tác của Đỗ Phủ và Lý Bạch cuốn “**Đường Đại Thi Học**” có nhận định như sau:

~ Lý tập phục cổ chi đại thành, Đỗ khai cách tân chi cục diện.

/ **Đường Đại Thi Học**. III. Thịnh Đường. Lý – Đỗ tỹ giáo /.

~ Lý tập hợp được những cái hay của Cổ thi, Đỗ mở ra cục diện mới của thi ca.

(**Minh Di:**

Đỗ Phủ “**mở ra cục diện mới của thi ca**”, đây chính là điểm Đỗ Phủ hơn Lý Bạch, **bởi** nếu nói “tập hợp được những cái hay của Cổ thi” thì Đỗ Phủ cũng có được vậy!).

Lục Thời Ung (? - ?) đời Minh (1368 - 1644) trong “**Thi Kính Tổng Luận**” (詩鏡總論) có một số ý kiến về Đỗ Phủ như sau:

~ Từ Mỹ chi bệnh tại ư hiếu kỳ! **Tác ý hiếu kỳ** tác ư thiên nhiên chi trí viễn hĩ!

Ngũ thất ngôn cổ cùng công cực xảo, vị vô di hận (遺恨), tế quan chi giác kỳ hời bất đắc tự tại!

.....

Thiếu Lãng ngũ ngôn luật kỳ pháp tối đa, điên đảo tung hoành, xuất nhân ý biểu (意表).

Dư vị vạn pháp tổng qui nhất pháp, nhất pháp bất như vô pháp, **thủy** lưu tự hành, vân sinh tự khởi, cánh hữu hà pháp khả thiết!

.....

Thiếu Lãng thất ngôn luật thi uẩn tạ (蘊藉) tối thâm, hữu dư địa, hữu dư tình, tình trung hữu cảnh, cảnh ngoại hàm tình, nhất vịnh tam phúng vị (味) chi bất tận.

/ **Thi Kính Tổng Luận**. /.

~ Cái bệnh của Từ Mỹ là ở chỗ ưa chuộng sự **kỳ lạ! Dụng ý kỳ lạ** thì xa rời vẻ đẹp của tự nhiên!

Ngũ ngôn, Thất ngôn Cổ thi (của ông) đã **tới** cùng tận tinh vi khéo léo, không chê được chỗ nào, (thế nhưng) xét kỹ thì ít nhiều có cảm giác là ông không được tự tại!

.....

Ngũ ngôn Luật thi của Thiếu Lãng có rất nhiều pháp tắc, tung hoành lên xuống **vượt ra ngoài** ý liệu của người.

Tôi cho rằng vạn pháp rồi qui về một pháp, [và] một pháp rồi chẳng như không có pháp nào cả, nước trôi tự chảy, mây sinh tự khởi, rồi có pháp nào mà đặt ra được!

.....

Thất ngôn Luật thi của Thiệu Lăng *hàm súc rất sâu xa*, cảnh có dư, tình có dư, trong tình có cảnh, ngoài cảnh có tình, ngâm đi ngâm lại ý vị bất tận.

Hồ Ứng Lân (1551 - 1602) bình phẩm:

~ **Thiệu Lăng** bắt hiệu (效) **Tứ ngôn**, bắt phỏng **Li tao**, bắt dụng **Nhạc Phủ** cụ đề, thị thử lão hung trung bích lập (胸中壁立) xúr; nhiên **Phong, Tao, Nhạc Phủ** di ý (遺意) Đỗ vãng vãng đặc chi.

Thái Bạch dĩ “**Bách ưu**” [百憂] đẳng thiên **ngĩ** (擬) **Phong Nhã**, “**Minh cao**” [鳴皋] đẳng thiên **ngĩ Li Tao**, câu *trương khứ huyền viễn*; **Nhạc Phủ** kỳ vĩ (奇偉) cao xuất Lục triều, **cổ chất** bất như lưỡng Hán, giáo thâu (較輸) Đỗ nhất trù (一籌) đã!

/ **Đỗ Thi Kinh Thuyên**. Phụ lục III. Bình Luận – Chư gia luận Đỗ /.

~ **Thiệu Lăng** không bắt chước **thể** thơ **Tứ ngôn**, không mô phỏng **Li tao**, không dùng *những đề tài cũ* của **Nhạc Phủ**, đây là cái tư tưởng sâu xa, vợi vợi cao như vách đá núi của ông; nhưng những di ý của **Kinh Thi, Li Tao, Nhạc Phủ** Đỗ Phủ thường có được.

Lý Thái Bạch mô phỏng **Kinh Thi** qua những Bài như “**Bách ưu**”, mô phỏng **Li Tao** qua những Bài như “**Minh cao**” *tất cả đều vượt rất xa Thi Kinh, Li Tao*; cái kỳ lạ lớn lao của **Nhạc Phủ** thì (Lý Bạch) cao hơn Lục triều, (thế nhưng) **phong cách cổ** thì không bằng 2 triều Tây Hán, Đông Hán, so ra thì còn thua Đỗ Phủ một mức.

(**Phụ chú.**

+ **Bắt hiệu Tứ ngôn.**

Tứ ngôn nói ở đây tức chỉ “**Kinh Thi**”, vì hầu hết thơ trong “**Kinh Thi**” đều là những bài thơ gồm những câu **4 chữ**.

Nói “**bắt hiệu Tứ ngôn**” tức nói “**không bắt chước Kinh Thi**”.

Minh Di:

Lý Bạch mô phỏng “**Kinh Thi**”, Đỗ Phủ thì không, *đây cũng chính là điểm* Vương An Thạch đã phê bình Lý Bạch là “**không biết biến hóa**” [“**bất tri biến**”], Lý Bạch thua kém Đỗ Phủ là ở điểm “**biến hóa**” này! Và đây chỉ là một trong những điểm Lý Bạch không bằng Đỗ Phủ).

&

Một số phẩm bình dẫn trong cuốn “**Đường Âm Quý Thiêm**” (唐音癸籤).

~ **Đỗ Tử Mỹ** đại thiên giang hà, chuyển quái bất trắc, **tuy** Thái Bạch, Thoái Chi thiên tài hãn cập! Chí ngữ ngôn, thất ngôn luật, vi hữu chuyết xú (微有拙處), nhiên thời thời đắc phong vũ, quỷ thần chi trợ, bất tại khả giải; *nhược thất ngôn hoàng lệ* hoặc cánh nhập ư cổ dã (古野) nhi bất vi lý (為俚), dịch duy tác giả tự tri, tuy đại gia sở bất năng bình dã!

Thử bút *tuyệt ư thế cửu* (絕於世久), phân phân (紛紛) nhất hoa nhất diệp, sức tư (飾姿) lộng mấn (弄鬢) đồ loạn nhân ý (Lưu Ân Khê).

/ **Đường Âm Quý Thiêm**. Qu. VI. Bình vị 2 /.

~ **Đỗ Tử Mỹ** thơ hay nhiều như sông nước, biến hóa không suy đoán được, **cho dù** có thiên tài của Thái Bạch, Thoái Chi cũng hiếm theo kịp! **Tới** ngữ ngôn, thất ngôn luật **tuy** có chỗ hơi vụng về *thế nhưng thường có được* sự tung hoành, biến hóa, không thể nào giải thích được; như (**thơ**) *thất ngôn (của ông) minh mang, đẹp đẽ* có lúc rồi **đượm** về cổ kính, chất phác, nhưng không quê mùa, (điều này) cũng chỉ tác giả tự biết, dầu có là đại gia thường cũng không thể chỉ trích được!

Bút pháp này *tuyệt tích trên đời đã lâu*, một hoa một lá phong phú, trau chuốt luận theo cảm quan rồi chỉ làm loạn ý người. (Lưu Ân Khê).

[**Phụ chú.**

+ Thoái Chi là tên Tự của Hàn Dũ (768 - 824), 1 trong 8 Văn hào Trung Hoa của mọi thời].

~ **Đỗ** thi **chính** nhi năng **biến**, **biến** nhi năng **hóa**, **hóa** nhi **bất thất bản điệu** – **bất thất bản điệu** nhi **kiêm đắc chúng điệu**, cố **tuyệt bất khả cập!** (Nguyễn Thụy. Hạ đồng).

~ **Thơ Đỗ Phủ** chính mà **biến**, **biến** mà **hóa**, **hóa** mà **không mất thanh điệu căn bản** – không mất thanh điệu căn bản mà **kiêm các thanh điệu**, vì thế **tuyệt diệu không thể theo kịp!** (Nguyễn Thụy. Đoạn dưới cũng vậy).

~ Đại khái Đỗ hữu tam nan.....

Hán, Ngụy chí Đường, thi gia năng sự đô tận, Đỗ hậu khởi, tập kỳ đại thành – nhất dã.

Bài luật, Cận thể, tiền nhân vị bị, phạt sơn đạo nguyên, vi bách thể sư – nhị dã.

Khai Nguyên ký vãng, Đại Lịch hệ hưng, đê trụ kỳ gian, Đường dĩ phục chấn – tam dã.

~ Đại khái (thơ) Đỗ Phủ có 3 cái khó (các thi nhân khác không làm được)...
Từ các thời Hán, Ngụy tới Đường những cái hay của thi ca đã đạt mức tối cao, Đỗ Phủ tới sau, hội được tất cả những cái hay đó – đây là cái khó thứ nhất.

Trường luật thi, Cận thể thi người trước chưa hoàn chỉnh, (**Đỗ Phủ**) bạt núi khai nguồn để thành bậc thầy của trăm đời – đây là cái khó thứ 2.

Thời Khai Nguyên *qua* đi, thời Đại Lịch hưng khởi, (**Đỗ Phủ**) vững vàng ở khoảng giữa (Thi ca thời Đường nhờ đó) lại chấn hưng – đây là cái khó thứ 3.

~ Tử Mỹ thi diệu xứ tại vô ý nhi ý dĩ chí, phi quảng chi dĩ Quốc phong, Nhã, Tụng, thâm chi dĩ Li Tao, Cửu Ca, an *năng tử tước* (咀嚼) kỳ *ý vị*, *sám nhập* (闖入) kỳ *khôn hoắc* (闕闕)?....
(Hoàng Sơn Cốc).

[Hồ Nguyên Thụy vân:

~ Đường nhân **Phú**, **Hưng** đa nhi **Tĩ** thiêu. Duy Đỗ tác **Tĩ** thời thời hữu chi. **Nhiên** Đỗ *sở dĩ thắng chư gia* thù *bất tại thử!*

Hậu nhân xuyên tạc phụ hội, động phát tiểu đoạn].

~ Cái hay (của thơ) của **Đỗ Phủ** là ở chỗ *vô ý* mà *ý đã tới*, nếu không lấy cái **rộng** của Quốc Phong, Nhã, Tụng, nếu không lấy cái **sâu** của Ly Tao, Cửu Ca thì làm sao có thể **nghiên ngẫm** được cái **ý vị** của thơ ông, làm sao **nhập cõi thâm sâu** của thơ ông.
(Hoàng Sơn Cốc).

[Hồ Nguyên Thụy nói:

~ (Thơ) người đời Đường thể **Phú**, **Hưng** nhiều mà thể **Tĩ** ít. Mỗi (thơ) Đỗ Phủ thường thấy thể này. **Nhưng cái làm** cho Đỗ Phủ **hơn các thi gia** hoàn toàn **không ở điểm này!**

Người thời sau xuyên tạc, thêm thắt đến tức cười].

+ Quốc Phong, Nhã, Tụng tức chỉ **Kinh Thi**, nói Li Tao, Cửu Ca tức chỉ **Sở Từ**.
+ **Nguyên Thụy** là tên **Hiệu** của **Hồ Ứng Lâm** (1551 - 1602), tác giả Tập “**Thi Tẩu**” (詩藪) – một tác phẩm chuyên luận bình Thơ.

~ Đỗ Thiếu Lãng bình sinh chi thi thiên tứ bách ngũ thiên, dĩ Niên phổ khảo chi, tứ thập hiến Phú chi tiên truyền giả thiếu hĩ! Thi tín *phi lão* bất công dã!
(Lý Trác Ngô).

~ Một đời Đỗ Thiếu Lãng có 1,405 bài thơ, căn cứ Niên phổ mà khảo thì những bài *thơ* được truyền trước lúc ông trình bài Phú ở tuổi 40, rồi ít! Về *Thơ* rồi phải tin là *chưa già* thì thơ không khéo!
(Lý Trác Ngô).

(Phụ chú.

+ **Lý Trác Ngô** tức Lý Chí (1527 - 1602), học giả, tư tưởng gia, phê bình gia *tiểu thuyết* và *hí khúc* (tức Kịch) cuối Minh triều).

Hồng Lượng Cát (1746 - 1809) nói:

~ Đỗ Công Bộ thi:

Cận lai hải nội vi trường cú,
Nhữ dữ Sơn Đông Lý Bạch hảo.

Túc kiến *trường cú* tôi nan, phi hữu thập phân lực lượng, thập phân học vấn, bất năng tác dã!

Tức dĩ **Đường** nhi luận, dĩ *trường cú* thiện trường giả, Lý, Đỗ, Hàn nhi ngoại, dịch duy Cao, Sầm, Vương, Lý tứ gia nhĩ!

/ *Bắc Giang Thi Thoại* (北江詩話). Qu. I. 42 /.

~ Thơ Đỗ Công Bộ:

Gần đây trong nước làm trường cú,
Bạn với Sơn Đông Lý Bạch tuyệt.

[Cứ đó thì] có thể thấy làm *trường cú* rất khó, nếu không có 10 phần tài năng, 10 phần học vấn thì không thể làm được!

Cứ lấy triều **Đường** mà luận, làm *trường cú* hay, ngoài Lý (Bạch), **Đỗ (Phủ)**, Hàn (Dũ) cũng chỉ có Cao (Thích), Sầm (Tham), Vương (Duy), Lý (Thương Ân) 4 tác gia thôi!

(Minh Di:

Trường cú tức chỉ *Thất ngôn cổ thi*, hay còn gọi *Thất ngôn ca hành*, và chỉ những bài từ mười mấy câu trở lên, và có thể tới hơn 100 câu.

Đây là 2 câu 15 – 16 trong bài “*Tiết Đoan, Tiết Phục diên giản Tiết Hoa túy ca*” – Bài này gồm 27 câu.

Tham khảo: **Đỗ Thi Kính Thuyên**. Qu. III).

Sử học gia Triệu Dục (1727 - 1814) đời Thanh viết:

~ Minh Lý Không Đồng [李崆峒] chur nhân toại vị [謂] Lý Thái Bạch toàn hồ thiên tài, Đỗ Tử Mỹ toàn hồ học lực. – Thử chân nhĩ thực [耳食] chi luận dã!

Tư lực [思力] **sở đáo** tức **kỳ tài phận** [才分] **sở đáo**, hữu **bất như thị** tắc bất khoái giả! Thử phi tính linh trung bản hữu thị phận tế nhi tận kỳ lượng hồ? Xuất ư tính linh sở **cố hữu** nhi **vị** kỳ toàn dĩ học lực thắng hồ?

/ **Âu Bắc Thi Thoại**. Qu. II. Đỗ Thiếu Lãng thi. 02 /.

~ Lý Không Đồng mấy người thời Minh lại nói tài của Lý Thái Bạch toàn ở thiên tài, còn tài của Đỗ Phủ hoàn toàn do nơi học lực. – Điều này thực là bình luận thiếu suy xét!

Khả năng suy tư mà đã đến nơi đến chốn thì **tài năng cũng đến nơi đến chốn**, nếu **không như thế** thì không tài giỏi! Đây không phải là nơi bản tánh vốn sẵn mức này mà đạt tới cùng tận cái tài năng sao? Phát sinh từ cái bản tính **vốn có** mà **nói** là hoàn toàn do cái học lực mà được trội hơn sao?

Minh Di:

Nói như Triệu Dục tức nói **học lực** mỗi người mỗi trình độ; cùng 1 lãnh vực, **cùng học** nhưng có người ở mức này, có người ở mức kia, **cao / thấp** khác nhau, nếu **không có** cái thiên bẩm, thiên tài về lãnh vực mình học thì không thể nào đạt mức tối cao được.

Nói khác đi, **Đỗ Phủ không thể nào** trở thành một **thi nhân lớn nhất** của **mọi thời đại** trong **thi học** Trung Hoa, như học giả, phê bình gia các thời nhận định về ông, nếu như ông không có sẵn thiên tài thơ trong người.

Thiên tài và học lực cần đi đôi. Thiên tài phải cần học lực mài dũa, trau chuốt như ngọc cần mài dũa mới thành vật trang sức được!

[**Phụ chú.**

+ **Lý Không Đồng** (李崆峒). Túc Văn học gia Lý Mộng Dương, văn học gia tiếng tăm trong khoảng trung kỳ triều Minh, học giới thường gọi ông là Lý Không Đồng.

Không Đồng là tên **Hiệu** – tên hiệu đầy đủ là **Không Đồng Tử**.

– **Không Đồng** (崆峒), Bộ “**Trung Quốc Văn Học Phê Bình Thông Sử**” (Tập V. **Minh đại**) ghi Hán tự là 空同 – tức chữ Không (空) và chữ Đồng (同) đều không có bộ Sơn (山).

Về năm sinh năm tử của Lý Mộng Dương có một số thuyết như sau:

[1]. – (1472 - 1529).
Trịnh Chấn Đạc (1898 - 1958).
Sáp đồ bản Trung Quốc Văn Học Sử.

[2]. – (1472 - 1530).
(a). Du Kiếm Hoa (1895 - 1979).
Trung Quốc Mỹ Thuật Gia Nhân Danh Từ Điển.
(b). Vương Chấn Vũ và Lưu Minh Kim.
Trung Quốc Văn Học Phê Bình Thông Sử” (Tập V. *Minh đại*).

[3]. – (1473 - 1529).
Vương Dục Thuyên và Tào Quý Lâm.
Trung Quốc Lịch Đại Đại Từ Điển. Minh Sử.

[4]. – (1475 - 1531).
Nam Kinh Đại Học Lịch Sử Hệ Biên tả Tổ.
Trung Quốc Lịch Đại Danh Nhân Từ Điển.

[5]. – (1473 - 1530).
Quảng Đông. Quảng Tây. Hồ Nam. Hà Nam Tu đình Tổ.
Từ Nguyên].

Sau cùng.

Về các thời kỳ trong phong cách thơ của Đỗ Phủ, Trịnh Chấn Đạc (1898 - 1958) viết:

~ Tha đích *sinh bình khả dĩ phân vi tam cá thời đại, tha* đích *thi* dã nhân chi nhi hữu tam cá bất đồng đích tác phong.

Đệ nhất kỳ thị An Lộc Sơn loạn tiền (Công nguyên 755 niên tiền).

Giá thời, tha chính thị tráng niên, phả hữu công danh chi tư, hận tướng tổ nhất cá “*trí quân Nghiêu, Thuấn thượng*” đích trọng thân, bất độc yếu thành nhất cá bất hủ đích nhất cá thi nhân nhi dĩ. Tha hựu vãng vãng huân **niễm** (薰染) liễu *thời nhân* đích khoa đản (誇誕) chi tập, vi thi hiếu cao tự xưng đạo, tượng:

Độc thư phá vạn quyền, Hạ bút như hữu thần!
Phủ liệu Dương Hùng địch, Thi khán Tử Kiến thân.
Lý Ung câu thức diện, Vương Hàn nguyện bóc lân.
Tự vị phả đỉnh xuất, Lập đảng yếu lộ tân (要路津),
Trí quân Nghiêu, Thuấn thượng, Cánh sử phong tục thuần.
(Phụng tặng Vi Tả thừa Trọng).

Giá bất năng quái (怪) tha! Phàm Đường nhân *sai bất đa* mạc bất như thử!

Tại giá thời, tha đích *thi* dĩ thị xung phận đích hiển lộ xuất tha đích thiên tài. *Đản* tượng “*Lạc Du Viên Ca*” (樂遊園歌): “Thử thân ẩm bãi vô qui xứ, độc lập thương mang (蒼茫) tự vịnh thi”, tượng “*quan định hậu hi tặng*” (官定後戲贈): “Đam tửu (耽酒) tu (須) vi lộc (微祿), cuồng ca thác Thánh triều” – kỳ *tình điệu* dữ đương thời nhất ban đích thi nhân nhược Lý Bạch, Mạnh Hạo Nhiên đẳng thị vô thù đích!

Đáo liễu *đệ nhị kỳ*, tức tòng *An, Sử loạn hậu* (安史) đáo *tha nhập Thục* (入蜀) *dĩ tiền* (Công nguyên 755 – 759 niên), tha đích tác phong khước đại biến liễu!

Tại giá đoản đoản đích ngũ niên gian, tha thân lịch bách khô, lưu li thiên tử (遷徙), khắc bất ninh tức, cực nhân sinh đích bất hạnh nhi nhất ban xã hội sở thụ đáo đích *khổ nạn canh giáo tha vi vu thậm!* Tha đích tình tự (情緒) *nhân thử chỉnh cá chuyển biến* liễu – Tha tiện thu thập khởi cá nhân lợi lộc đích đả toán, hoán thượng liễu nhất phó (一副) bi thiên mẫn nhân (憫人) đích tâm trường (腸). Tha *li khai liễu* Lý Bạch, Mạnh Hạo Nhiên tha môn đích đồng bạn, nhi độc kiên khởi (肩起) *khổ nạn thời đại* đích tả thực đích đại trách nhiệm lai. Tuy chỉ đoản đoản đích ngũ niên nhi tha thị *lánh* (另) nhất cá nhân liễu, tha đích thi thị *lánh nhất chủng thi* liễu. Tại tha chi tiền, na mạc vĩ đại đích bi thiên mẫn nhân chi tác tòng bất tăng xuất thế quá. Tại tha chi hậu *tài* (才) hội hữu Bạch Cư Dị tha môn sản sinh xuất lai! Tha đích ảnh hưởng thị cực đại đích! Tại giá *ngũ niên lý* tha lưu hạ liễu *nhất bách tứ thập kỷ thủ thi*, sai bất đa *tổng hữu nhất bán* thị ca vịnh giá thứ đích *đại biến loạn* đích! Ngã môn *bất tăng khán kiến quá biệt* nhất cá *biến loạn* đích thời đại tăng tại biệt nhất vị *na mạc vĩ đại* đích *thi nhân* đích thiên thập (篇什) lý lưu hạ canh thâm khắc, canh vĩ đại đích ngân tích quá!

.....

Đệ tam kỳ thị tòng tha đích *Càn Nguyên nhị niên* đích *Đông* thiên đáo Thành Đô khởi trực đáo *tha đích tử vi chỉ* (Công nguyên 759 – 770 niên). *Trung gian tuy dã tăng do* Thục bá thiên (播遷) xuất lai, đản sinh hoạt cứu cánh yếu *tử* đệ nhị kỳ an định thư phục. Sở dĩ tha giá thập nhất niên trung đích thi vãng vãng đô thị ngân *điềm tĩnh* (恬靜) đích, *công trí* (工緻), *thương kính* (蒼勁) đích, dữ trung niên thời đại đích huyết mạch *phấn trương* (憤張), *thống khổ hô hào* giả bất đồng; tuy dã hữu thống định tư thống chi tác đản *bất thậm đa*. *Vị liễu* sinh hoạt đích tỉ giáo an định, sở dĩ giá thời đại đích thi tả đặc tối đa, kỹ yếu chiếm *Toàn Tập* thập phân chi thất, bát dĩ thượng.

Tại giá thời, tha tự hựu khôi phục liễu thung dung du yển chi lạc. Tha đích Hoãn Hoa lý đích cư trạch *tự phả thích ý*. Khả vọng kiến giang lưu, hựu chủng trúc thực thụ dĩ tăng kỳ thú. Tha túng tửu tiểu vịnh, dữ điền phu dã lão tương hiệp dâng (狎蕩), vô câu kiếm. “*Thu hứng*” bát thủ vi giá thời kỳ đích đại biểu tác.....

/ *Sáp Đồ Bản Trung Quốc Văn Học Sử* (插圖本中國文學史).

Đệ nhị thập lục chương. Đỗ Phủ – 2 /.

~ *Cuộc đời ông (Đỗ Phủ) có thể phân làm 3 thời kỳ, thơ của ông cũng nhân đó mà có 3 phong cách bất đồng.*

*Thời kỳ thứ nhất là trước khi loạn An Lộc Sơn (trước năm 755 Công nguyên). Thời kỳ này ông đang tuổi tráng niên, có rất nhiều suy tư về công danh, rất mong được làm một bề tôi quan trọng “giúp vua Nghiêu, Thuấn đức”, không chỉ muốn thành một thi nhân bất hủ không thôi! Ông lại thường bị **nhhiễm** cái thói quen khoa trương của người đương thời, làm thơ thì ưa nói chuyện cao xa, tự xưng tán mình, như:*

Đọc thư quá vạn quyển, Hạ bút như có thần.

Phú những Dương Hùng sánh, Thơ với Tử Kiến gần.

Lý Ung mong biết mặt, Vương Hàn nguyện ở bên.

Tự nói vượt quá hết, Bến đường đứng ngất trên.

Giúp vua Nghiêu, Thuấn đức, Đến khiến phong tục thuần.

(Phụng tặng Vi tả thừa Trượng).

Điều này thì không thể trách ông! Nói chung người thời Đường rồi **gần như** không ai là không như vậy!

Vào thời kỳ này *Thơ* của ông đã biểu lộ rõ rệt, trọn vẹn thiên tài (*thơ*) của ông. *Chỉ* như Bài “*Lạc Du Viên Ca*”: “*Thân này tiệp bãi về không xứ, trợ trợ mệnh mang tự vịnh thơ*”, như bài “*Quan định hậu hí tặng*”: “*Mê rượu lộc rồi ít, cuồng ca gọi Thánh triều*”, *tình ý* của ông rồi không khác những thi nhân đương thời như Lý Bạch, Mạnh Hạo Nhiên!

Tới *thời kỳ thứ 2*, tức từ *sau loạn An* (Lộc Sơn), *Sử* (Tư Minh) *tới trước khi ông vào đất Thục* (năm 755 – 759 Công nguyên) thì phong cách (*thơ*) của ông lại biến đổi lớn!

Trong khoảng 5 năm ngắn ngủi này thân ông *trải trăm sự khổ, lưu lạc dời dời*, không có giây khắc *được* yên ổn, nghỉ ngơi, *nỗi bất hạnh tới tận cùng* của đời người, và những *khổ nhục, hoạn nạn* gặp trong Xã hội đối với ông *chùng như càng nhiều hơn! Tình tự* của ông nhân đây mà chuyển biến hoàn toàn! – Ông liền gom lại hết những suy tính về lợi lộc cá nhân mà *đổi* lấy một *tấm lòng* “*buồn trời thương người*”. Ông *liạ khỏi* những đồng bạn Lý Bạch, Mạnh Hạo Nhiên để một mình gánh lấy *trách nhiệm lớn* là *tả thực* những *khổ nạn* của *thời đại*. Tuy chỉ

có 5 năm ngắn ngủi nhưng ông *rồi* đã biến thành một con *người khác, thơ* của ông rồi trở thành *một loại thơ khác! Trước ông*, những loại thơ “*buồn trời thương người*” vĩ đại như vậy chưa từng xuất hiện trên đời! *Sau ông mới có* những thi nhân như Bạch Cư Dị có các sáng tác loại này! *Ảnh hưởng* của ông [phải nói là] rất lớn! Trong 5 năm này ông để lại *140 mấy bài thơ*, gần hết *phần nửa* là *ca vịnh cái biến loạn lớn này!* Chúng ta *chưa từng thấy qua một thời đại biến loạn* nào khác trong sáng tác của một *thi nhân* nào khác *vĩ đại như thế* mà lưu lại dấu tích sâu sắc hơn, vĩ đại hơn!

.....

Thời kỳ thứ 3 là từ mùa Đông *năm thứ 2 Niên hiệu Càn Nguyên* lúc ông tới Thành Đô cho tới lúc *ông qua đời thì kết thúc* (759 – 770 Công nguyên). *Khoảng thời gian này* tuy cũng lưu lạc, dòi dỏi nơi đất Thục, *nhưng so với* thời kỳ thứ 2 thì sinh hoạt của ông *rồi an định, thoải mái hơn*. Bởi vậy trong 10 năm này thơ của ông *thường* đều *hết sức điềm tĩnh, hay đẹp có ý vị, tươi thắm mạnh mẽ*, khác với cái huyết mạch bùng bùng với cái *kêu gào đau khổ* trong *thơ ông* thời trung niên; tuy cũng có những sáng tác có sự *trấn định sự đau khổ*, có sự *ngĩ ngợi về sự đau khổ nhưng không nhiều lắm!* Do nơi sinh hoạt tương đối yên ổn, vững vàng, cho nên là *trong thời kỳ này* ông sáng tác được rất nhiều, hầu như chiếm trên 7, 8 phần 10 số thơ trong *Toàn Tập* của ông!

Vào thời kỳ này *chừng như ông đã khôi phục được cái ung dung vui vẻ* trong những sự vui chơi yên tiệc. Thơ tả nhà ông ở xóm Hoãn Hoa *chừng như rất thích ý*. Ông có thể ngắm nhìn sông trôi, lại trông trúc trông cây cho thêm thú vị. Ông uống rượu, ngâm thơ hòa đồng với nông phu, người già nơi thôn dã, xuề xòa không câu thúc.

8 bài “*Thu hứng*” là sáng tác tiêu biểu của ông trong thời kỳ này.....

(*Minh Di:*

2 Câu “*Tự vị phả đĩnh xuất – Lập đăng yếu lộ tân*” Trịnh Chấn Đạc dẫn lại ở đoạn trên là 2 câu Đỗ Phủ thay đổi thi từ của bài *Cổ thi thứ 4* trong *19 bài Cổ thi* mà từ trước đến nay vẫn được gọi dưới một tên chung là “*Cổ Thi Thập Cửu Thủ*” (*Thơ Cổ 19 Bài*).

Đây là những bài thơ *không có tựa đề, không lưu tên tác giả*, được ước đoán là tác phẩm của thời Đông Hán (25 - 220) trở về sau.

19 bài Cổ thi này không có *tựa đề* cho nên trong các *bản in* lưu hành hiện nay thường lấy *câu đầu của bài thơ* làm *tựa* của bài thơ, chẳng hạn: Bài thứ nhất, *câu thứ nhất* là “*Hành hành trùng hành hành*” lấy câu này làm *tựa bài thơ*.

Bài thứ 2, *câu mở đầu* là “*Thanh thanh hà bạn thảo*” thì lấy câu này làm *tựa bài thơ*.

Và ở đây, bài thứ 4, câu 1 là “*Kim nhật lương yển hội*” thì *câu này* là *tựa* của *bài thơ*....

2 câu dẫn trên trong bài *Cổ thi thứ 4* này như sau:

Hà bất *sách* (策) cao túc (高足),

Tiên lập *yếu lộ tân* (要路津).

Sao chẳng *quất* lương mã,

Bến hiềm lập trước tiên.

(*Phụ chú.*

+ *Sách* (策).

Là danh từ thì có nghĩa là cây roi ngựa.

Là động từ thì có nghĩa lấy roi quất ngựa thúc ngựa chạy nhanh.

+ *Cao túc* (高足).

Từ điển *Từ Nguyên* giải nghĩa:

[*Cao túc*]. Tiệp túc (捷足), chỉ lương mã.

[*Cao túc*]. Chân nhanh lẹ, chỉ ngựa hay).

Bài thứ 4 trong *19 bài thơ cổ* nói trên gồm 14 câu, 2 câu dẫn trên là *câu 11* và *câu 12*.

Tùy Thụ Sâm trong tập *Chú giải “Cổ Thi Thập Cửu Thủ Tập Thích”* (古詩十九首集釋) dẫn Lữ Hương nói:

~ *Sách*, tiên dã; *yếu lộ tân*, vị sĩ hoạn cư yếu chức giả, dịch như tiến cao túc *cứ w yếu tân* tắc nhân xuất nhập do chi.

/ *Cổ Thi Thập Cửu Thủ Tập Thích*. Qu. II. Kỳ tứ /.

~ “*Sách*” nghĩa là tiên tới; “*yếu lộ tân*” (要路津) nói người làm quan ở địa vị trọng yếu; như thúc ngựa hay tới trấn cứ ở *cửa bến trọng yếu*, người ra vào phải qua bên này). [...++1].

Minh Di

Nguồn: https://www.hon-viet.co.uk/MinhDi_LaiNoiChuyenDuongThi3.htm

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 9000 TÁC PHẨM